

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH HT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2018

V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH HT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quốc Linh.

2. Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện CL, Tỉnh HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Q, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Xóm ĐT, xã PL, CL, HT

Hiện trú tại: Số nhà 38, đường Nguyễn Huy Oánh, khối 3, phường BT, Thành phố V, tỉnh NA - Nghề nghiệp: Buôn bán (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm ĐT, xã PL, CL, HT

Nghề nghiệp: Lao động tự do (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và bản tự khai cũng như các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Phan Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện CL, HT vào ngày 28/12/2009. Trong cuộc sống hôn nhân, ngay từ ban đầu vợ chồng đã có những mâu thuẫn và từ năm 2014 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc xuất phát từ việc chồng hay ghen tuông, quan điểm sống bất đồng, thường

xuyên cãi vã và nhiều lúc xảy ra xô ẩu không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng, quan tâm lẫn nhau. Vì vậy chị Q và hai con về nhà bố mẹ đẻ ở Thành phố V sống và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Sau khi ly thân anh H làm gì, ở đâu anh H không nói và chị cũng không biết. Chị Q đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại yêu cầu anh H về để giải quyết ly hôn nhưng anh không đồng ý, trốn tránh, bỏ mặc. Chị Phan Thị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình H.

Chị và anh Nguyễn Đình H có hai con chung là cháu Nguyễn Phan Yến V, sinh ngày 06/5/2009 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 06/8/2011. Hiện hai cháu ở với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Anh H chỉ thỉnh thoảng gửi ít tiền về cho con ngoài ra một mình chị phải chăm sóc nuôi dưỡng hai con. Chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Ngày 16/4/2018 chị có đơn thay đổi, bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa chị giữ nguyên yêu cầu được nuôi hai con vì hiện tại anh H làm gì, ở đâu không ai biết và chị thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng theo đó chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng để anh H có khả năng thực hiện.

Về tài sản chung, nợ chung chị Q trình bày: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng không đáng kể và chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình H tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2018 có ý kiến thống nhất như lời khai chị Q về việc đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung và anh cũng thừa nhận 03 năm nay đi làm ăn xa nên không về nhà. Anh vẫn liên lạc với vợ, con và cho rằng vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng và không muốn ảnh hưởng đến hai con nên không đồng ý ly hôn. Về địa chỉ nơi làm việc, sinh sống thì không ổn định nên anh không cung cấp cho Tòa án. Tại buổi làm việc Tòa án đã thông báo trực tiếp cho anh H về lịch làm việc tiếp theo để tham gia phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, anh H cam kết sẽ có mặt nhưng sau đó đã cố tình trốn tránh, không hợp tác mặc dù sau đó anh có về nhà bố mẹ ở PL chịu tang bố nhưng vẫn không đến Tòa án và bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay. Gia đình, chính quyền địa phương cũng không biết anh đi đâu làm gì.

Toà án đã phối hợp với chính quyền địa phương và người nhà tiến hành đầy đủ các thủ tục theo luật định để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình H. Tuy nhiên, anh Nguyễn Đình H không đến Toà án để tham gia tố tụng và làm việc. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được và không làm việc tiếp được với anh H về các nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Q và một số thủ tục khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến của anh H nói trên chị Q không nhất trí và giữ nguyên yêu cầu, nội

dung khởi kiện như đã trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã đảm bảo tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, xác định đúng quan hệ tranh chấp; bị đơn không chấp hành các quy định của luật, trốn tránh, bất hợp tác, vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS, điều 51, 56, 81,82, 83, 107, 110, 116,117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Q, chị Q được ly hôn với anh H; giao cháu Nguyễn Phan Yên V, sinh ngày 06/5/2009 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 06/8/2011 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc anh Nguyễn Đình H phải cấp dưỡng nuôi con với chị Q mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng; vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và chị Q không yêu cầu giải quyết nên miễn xét; chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Phan Thị Q khi thấy cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không hạnh phúc đã khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình tại Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Tòa án nhân dân huyện CL thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai sau đó đã phối hợp với UBND xã PL thực hiện đầy đủ việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa phương và nơi cư trú đồng thời làm việc với mẹ anh H để gia đình anh H nếu biết anh H ở đâu thì thông báo cho anh H đến Tòa án làm việc, tham gia phiên hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên không hòa giải được và phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn vì vắng mặt bị đơn. Tòa án mở phiên tòa lần thứ hai và thực hiện đầy đủ thủ tục thông báo niêm yết theo luật định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự do tìm hiểu chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Đình H đã sống chung với nhau từ năm 2008 sau đó tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2009 tại UBND xã PL, huyện CL, tỉnh HT. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu

thuần do không phù hợp nhau về quan điểm, tính cách, không tôn trọng, tin tưởng, không quan tâm và xâu xé lẫn nhau. Vì vậy năm 2015 chị Q và hai con về nhà bố mẹ đẻ tại thành phố V ở và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, chị cũng không biết anh H ở đâu làm gì. Bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh H) tại biên bản làm việc ngày 19/6/2018 cũng xác nhận điều đó và bà cũng không biết anh H ở đâu; chính quyền địa phương tại biên bản làm việc ngày 18/4/2018 cũng xác nhận vợ chồng sống ly thân đã lâu, từ năm 2015 đến nay anh H chỉ về địa phương vài lần sau đó đi đâu, làm gì địa phương không biết và có ý kiến nếu hòa giải không thành thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh H tuy có ý kiến không muốn ly hôn nhưng một thời gian dài anh không quan tâm đến cuộc sống tình cảm chung vợ chồng mà có thái độ bỏ mặc đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng không hợp tác với Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thể hiện sự thiếu trách nhiệm đối với việc xử lý tình cảm vợ chồng và không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án, Hội đồng xét xử đã thuyết phục, phân tích nhưng chị Q khẳng định chị không còn tình cảm, không thể sống chung với anh H và giữ nguyên quan điểm cương quyết xin được ly hôn anh H. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh H đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng sống ly thân không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Q và áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56,57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Phan Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Đình H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Đình H có hai con chung là cháu Nguyễn Phan Yến V, sinh ngày 06/5/2009 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 06/8/2011. Xét thấy, từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay hai cháu ở với chị Q, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, chỗ ở cũng như việc học tập của các cháu đã ổn định, điều đó thể hiện chị Q có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cũng như quyền lợi cho các cháu, còn anh H làm gì ở đâu không xác định được, các cháu cũng có đơn nguyện vọng ở với chị Q. Vì vậy, căn cứ điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Phan Yến V và Nguyễn Đình P cho chị Q tiếp tục trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi đồng thời có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm và có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung xét anh H trình bày có thu nhập hơn 05 triệu đồng/tháng, các cháu còn nhỏ cần nhiều chi phí chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt, học tập và các hoạt động khác nên mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng và cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi mà chị Q yêu cầu anh H đóng góp là phù hợp thực tế cần chấp nhận theo Q định tại khoản 1 điều 244 BLTTDS và điều 82, 83, điều 110, điều 116 điều 117, điều 118 Luật HNGĐ.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên thì anh H còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 648 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và chị Q không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Q phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Đình H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58; khoản 1, 2 điều 81, điều 82, điều 83, điều 84; điều 85; điều 86; khoản 1 điều 107; điều 110, điều 116, điều 117, điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; khoản 1 điều 244; điều 266; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Q; chị Phan Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Đình H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Yến V, sinh ngày 06/5/2009 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 06/8/2011 cho chị Phan Thị Q trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Buộc anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Q mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên thì anh H còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 648 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 điều 3; điểm a khoản 1, khoản 2 điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị PhanThị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0004321 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Chị Phan Thị Q phải nộp tiếp 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đình H phải nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Phan Thị Q, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đình H. Chị Phan Thị Q có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đình H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Thi hành án dân sự huyện CL;
- Đồng sự; UBND xã PL, CL; UBND phường BT, TP V, NA
- Lu Hồ sơ vụ án; Lưu VP.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Khắc Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

